

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2021 - 2022

ST T	Nội dung	Chia ra theo lớp					
		KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9	KHỐI 10	KHỐI 11
I	Điều kiện tuyển sinh	Trường THCS&THPT là trường đóng trên địa bàn một huyện nghèo theo quyết định của UBND tỉnh, vì vậy việc tuyển sinh vào lớp 10 được tiến hành bằng hình thức xét tuyển. Hàng năm trường đều tiến hành tuyển sinh dựa vào các văn bản hướng dẫn của Bộ và của Sở GD&ĐT. Nguyên tắc xét tuyển đảm bảo khách quan và tuyệt đối công bằng. Chương trình giáo dục của nhà trường là chương trình do Bộ Giáo dục ban hành. Tất cả các học sinh đã tốt nghiệp các trường THCS trong địa bàn tuyển sinh đều được vào học tại trường nếu đúng thời gian tuyển sinh.					
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Tất cả các khối lớp đều học theo chương trình cơ bản. Chương trình giáo dục của nhà trường là chương trình do Bộ Giáo dục ban hành và được nhà trường thực hiện đúng quy định, đồng thời có sự phối kết hợp với một số nội dung chương trình giáo dục của địa phương do Sở GDĐT quy định.					
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none">- Gia đình học sinh phải thường xuyên giữ liên hệ với nhà trường để phối hợp giáo dục học sinh thông qua 2 hình thức: Tham gia ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp và ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường; trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm và Ban giám hiệu khi có sự việc phát sinh.- Học sinh phải có thái độ học tập nghiêm túc, phải tham gia đầy đủ các nội dung, chương trình học tập; các hoạt động văn nghệ, TDTT, lao động theo quy chế trường của nhà trường.					
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh được sử dụng đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định trong danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đáp ứng đủ yêu cầu về CNTT, thiết bị trình chiếu, mạng Internet phục vụ cho học tập.- Nhà trường có sân chơi, bãi tập an toàn cho các hoạt động sinh hoạt thể dục, thể thao phục vụ học tập và các hoạt động ngoài giờ lên lớp.					



	phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)								
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường có khu nội trú khang trang, sạch đẹp, khu bếp ăn tập thể phục vụ cho những học sinh ở xa có nhu cầu ở nội trú. - Nhà trường có Thư viện, phòng đọc, với nhiều Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu học tập của học sinh. - Học sinh được sinh hoạt, vui chơi, được tìm hiểu về các hoạt động giáo dục văn hoá, xã hội, pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, nâng cao kỹ năng sống... 							
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. - Đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn, có năng lực về chuyên môn, tận tâm nhiệt tình trong công việc. 100% GV giảng dạy đạt từ TB trở lên; trong đó, 44% giáo viên đạt danh hiệu GV dạy Giỏi các cấp, 3,4% GV giỏi cấp tỉnh. - Phương pháp quản lý của nhà trường dựa trên Điều lệ trường phổ thông, các văn bản chỉ đạo của Bộ, Ngành Giáo dục được cụ thể hoá thành nội quy, quy chế và kế hoạch của nhà trường 							
VI I	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<table border="1"> <tr> <td>- 75% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%</td> <td>- 86% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt:</td> <td>- 89% Học lực từ TB trở lên - 92% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển</td> <td>- 100% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.</td> <td>- 81% Học lực từ TB trở lên - 90% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.</td> <td>- 96% Học lực từ TB trở lên - 93% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.</td> <td>- 97% Học lực từ TB trở lên - 100% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt: 95%</td> </tr> </table>	- 75% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%	- 86% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt:	- 89% Học lực từ TB trở lên - 92% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển	- 100% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 81% Học lực từ TB trở lên - 90% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 96% Học lực từ TB trở lên - 93% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 97% Học lực từ TB trở lên - 100% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt: 95%
- 75% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%	- 86% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt:	- 89% Học lực từ TB trở lên - 92% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh chuyển	- 100% Học lực từ TB trở lên - 95% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 81% Học lực từ TB trở lên - 90% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 96% Học lực từ TB trở lên - 93% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội.	- 97% Học lực từ TB trở lên - 100% Hạnh kiểm Khá - Tốt - 100% đủ sức khỏe để học tập. - Tham gia đầy đủ, có chất lượng các hoạt động phong trào, xã hội. - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt: 95%			

D TẠC
 ONG
 VÀ THP
 N THÂN
 JA CHU

			98,1%	lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt: 100%	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1%	
VI II	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1% - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 7.	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1% - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 8.	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1% - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 9.	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 10.	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1% - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 11.	- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau khi thi lại đạt: 98,1% - 100% học sinh sau khi được chuyển lớp tiếp tục theo học chương trình lớp 12.	- 100% học sinh sau đỗ tốt nghiệp THPT. Không có học sinh bỏ học. 25%: HS đi học các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Huy Hoàng

		(100%)							
1	Lên lớp, đủ ĐK thi TN (tỷ lệ % so với tổng số)	507 (97,5%)	77	84	77	49	88	62	70
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	41 (7,9%)	10	10	6	3	2	5	5
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ % so với tổng số)	247 (47,5%)	18	25	38	25	45	43	53
2	Thi lại (tỷ lệ % so với tổng số)	33 (6,3%)	13	6	7	0	5	2	0
3	Lưu ban (tỷ lệ % so với tổng số)	13 (2,5%)	0	4	2	0	5	2	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ % so với tổng số)	3 (0,8%)	0	0	0	2	0	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (tỷ lệ % so với tổng số)	26 (5,0%)	2	3	2	3	11	5	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	6	0	0	0	0	1	2	3
1	Cấp tỉnh/thành phố	6	0	0	0	0	1	2	3
2	Q.gia, KV một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số HS dự thi THPT Quốc Gia	70	0	0	0	0	0	0	70
VI	Số HS được công nhận TN	69	0	0	0	0	0	0	69
VII	Số học sinh thi đỗ ĐH, CĐ công lập (tỷ lệ so với tổng số)	7 (10,0%)	0	0	0	0	0	0	5
VIII	Số học sinh thi đỗ ĐH, CĐ ngoài công lập (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	520/125	77/28	88/28	79/22	49/14	93/19	64/7	70/7
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	517	77	87	79	49	91	64	70



HIỆU TRƯỞNG

(Handwritten signature)

Trần Huy Hoàng

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	17	
II	Loại phòng học	17	-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,08	-
8	Bình quân học sinh/lớp	37,1	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12000	23,1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3000	5,8
VI	Tổng diện tích các phòng	2800	
1	Diện tích phòng học (m ²)	728	2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	208	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	78	0
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	108	
1	Khối lớp 10	49	



2	Khối lớp 11	53	
3	Khối lớp 12	28	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	30	
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	18	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	80
XI	Nhà ăn	60

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú	48 Phòng x 25= 1200(m ²)	384	3		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/học sinh		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		X
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung	Có	Không			
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X				
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X				
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X				
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X				
XIX	Tường rào xây			X		

